TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2019/DS-ST
Ngày 25-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nguyệt Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Ngọc Diệp;

Bà Nguyễn Thụy Vân Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 343/2019/TLST-DS ngày 05/9/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2019/QĐXXST-DS ngày 15/10/2019. Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐST-DS ngày 04/11/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Kim L, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 62E/2, khu phố 1B, phường A, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Bùi Văn Q, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 41H, tổ 18-19, khu phố T, phường D, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 41H, tổ 18-19, khu phố T, phường D, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Quan Thị Phước H, sinh năm 1970: địa chỉ: Số 544/5 đường Phạm Thế H, phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/8/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Thị Kim L bày:

Do có quen biết từ trước, nên ngày 30/01/2019 ông Bùi Văn Q và bà Nguyễn Thị N đã vay của bà Trương Thị Kim L số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng tính từ ngày 30/01/2019 đến 30/7/2019, hai bên có lập một Giấy cho mượn tiền. Lãi vay 1,2%/tháng, thời hạn trả nợ từ ngày 01 đến ngày 05 dương lịch hàng tháng. Sau khi vay tiền, ông Q, bà N trả tiền lãi được 04 tháng từ tháng 02/2019 đến tháng 5/2019, mỗi tháng trả 12.000.000 đồng, tổng cộng 48.000.000 đồng. Từ tháng 6/2019 trở đi ông Q, bà N không tiếp tục trả lãi và khi hết hạn vay ông, bà cũng không trả lại tiền gốc đã vay. Nay bà Trương Thị Kim L khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn Q và bà Nguyễn Thị N phải trả lại số tiền đã vay là 1.000.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi 48.000.000 đồng tương đương 04 tháng mà bà L đã nhận, bà L đồng ý trả lại số tiền lãi vượt mức quy định của nhà nước. Đối với số tiền lãi tháng 6 - 7/2019 bà L yêu cầu tính theo mức hai bên đã thỏa thuận trong Giấy cho mượn tiền là 1,2%/tháng tương đương 24.000.000 đồng. Đối với tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 31/7/2019 đến ngày xét xử 25/11/2019 là 03 tháng 25 ngày, bà L yêu cầu tính mức lãi chậm thanh toán với mức 10%/năm tương đương số tiền 31.816.000 đồng. Tổng cộng bà L yêu cầu ông Q, bà N phải trả số tiền 1.055.816.000 đồng.

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là "Giấy cho mượn tiền" ngày 30/01/2019.

- Quá trình tố tụng, ông Bùi Văn Q và bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý , triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 15/10/2019; tham gia phiên tòa vào các ngày 04/11/2019 và 25/11/2019 nhưng Bùi Văn Q và bà Nguyễn Thị N vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do . Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trương Thị Kim L có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn Bùi Văn Q và bà Nguyễn Thị N đã được triệu tập hợp lệ tham

gia phiên tòa nhưng ông ông Q, bà N vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 30/01/2019 có cơ sở xác định bà Trương Thị Kim L có cho ông Bùi Văn Q và bà Nguyễn Thị N vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng tính từ ngày 30/01/2019 đến ngày 30/7/2019, lãi vay 1,2%/ tháng, có chữ ký của ông Q, bà N nên có cơ sở xác định bà L có cho ông Q, bà N vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng tính từ ngày 30/01/2019 đến ngày 30/7/2019. Đối với số tiền lãi vay hai bên thỏa thuận 1,2%/tháng tương đương 14,4%/năm là không trái quy định của pháp luật. Thực tế bà L đã nhận 04 tháng tiền lãi từ tháng 02/2019 đến tháng 5/2019 tương đương số tiền 48.000.000 đồng là phù hợp. Đối với yêu cầu của bà L về việc tính lãi của tháng 6 và tháng 7/2019 với mức 1,2%/ tháng tương đương số tiền 24.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm thanh toán từ ngày 31/7/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/11/2019 là 03 tháng 25 ngày tương đương số tiền 31.816.000 đồng đều có căn cứ chấp nhận. Quá trình tố tụng bị đơn ông Q, bà N đã được Tòa án niêm yết giấy triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản nào thể hiện ý kiến của bị đơn về việc không thừa nhận chữ ký của mình trong giấy mượn tiền mà bà L cung cấp. Đồng thời ông Q, bà N cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã thanh toán các khoản nợ nên bà L khởi kiện yêu cầu trả số tiền 1.000.000.000 đồng. Điều này trùng khớp với lời khai của người làm chứng bà H về việc ông Q, bà N có vay của bà L số tiền 1.000.000.000 đồng. Từ những nhận định trên, bà L yêu cầu ông Q, bà N phải trả khoản nợ 1.055.816.000 đồng, trong đó nợ gốc 1.000.000.000 đồng, nợ lãi vay 24.000.000 đồng và 31.816.000 đồng lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/11/2019 là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trương Thị Kim L không phải chịu án phí. Bị đơn ông Bùi Văn Q , bà Nguyễn Thị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 144, 147, 227, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 471, 474 và khoản 4 Điều 478 của Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Kim L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Bùi Văn Q và bà Nguyễn Thị N.

2. Buộc ông Bùi Văn Q và bà Nguyễn Thị N phải thanh toán cho bà Trương Thị Kiên L số tiền 1.055.816.000 đồng, trong đó nợ gốc 1.000.000.000 đồng, nợ lãi vay 24.000.000 đồng và 31.816.000 đồng lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/11/2019.

Kể từ ngày 26/12/2019, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Kim L không phải chịu, trả lại cho bà L số tiền 21.516.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0029220, ngày 05/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Ông Bùi Văn Q và bà Nguyễn Thị N phải chịu 43.674.480 đồng.

4. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TX Dĩ An;
- Chi cục THADS TX Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thị Nguyệt Ánh